

đầu, đã không chỉ dùng ở các cuộc tấn công bằng bút vào chế độ thuộc địa, mà còn đấu tranh vì các giá trị chung của nhân loại như chống bất công, chống phân biệt chủng tộc, vì sự nghiệp giải phóng phụ nữ... Vẫn theo Warby, Hồ Chí Minh không đeo súng như Mao hay Kim Nhật Thành, vũ khí của Hồ Chí Minh “là ngôn ngữ, là cây bút, là sự hóm hỉnh bẩm sinh, là tư cách đạo đức vững vàng, và là sự dâng hiến nhiệt thành đối với sự nghiệp của nhân dân, là quyết tâm đạt các mục tiêu do ông đặt ra bất chấp mọi khó khăn”.

Ta cũng có thể nhận thấy người Việt được “miễn dịch” khỏi thói hâm mộ những nhà hùng biện đạo đức giả, duy ý chí (lời nói có thể không đi với việc làm), hẳn còn do họ không cuồng tín, không chịu ảnh hưởng của các hệ tư tưởng sô vanh, và ít xu hướng sùng bái cá nhân. Neumann-Hoditz cho rằng: “Trong cuộc đời của Hồ Chí Minh, đã không có sự sùng bái cá nhân ở dạng như bao quanh Mao Trạch Đông”⁽⁴⁾. ■

CHÚ THÍCH:

1. *The Vietnamese and Their Revolution*, New York, Harper & Row, Publishers, 1970.

2. Theo DeCaro trong *Tuyên truyền khởi nghĩa...*, thời kỳ của “các giá trị đạo đức như các giá trị cao nhất ở phương Tây” khởi điểm từ cách mạng tháng Tám năm 1945, tiếp theo là thời kỳ mà Việt Nam gọi là thời đại Hồ Chí Minh.

3. William Warby, *Hồ Chí Minh và cuộc đấu tranh vì một dân tộc độc lập (Ho Chi Minh and the struggle for an independent nation)* (London, Merlin Press, 1972), dẫn theo Peter DeCaro.

4. Reinhold Neumann-Hoditz, *Chân dung Hồ Chí Minh (Portrait of Ho Chi Minh)*, Nxb. Hamburg, Herder and Herder, 1972, tr.169).

BIỂN & KINH TẾ BIỂN VIỆT NAM

(Tiếp theo số 451)

Võ Nguyên Giáp

Khoa học về biển và kinh tế miền biển

Hội nghị của các đồng chí là Hội nghị khoa học về biển lần thứ nhất. Thật vậy, hiện nay đã có một khoa học về biển, mà đối tượng nghiên cứu là các sự vật và hiện tượng tồn tại ở biển và đại dương hoặc có liên quan đến biển và đại dương, là một khoa học ứng dụng các phương pháp và kết quả của vật lý học, hóa học, sinh học và toán học... Để nghiên cứu một đối tượng đặc biệt trong không gian và thời gian là biển và đại dương. Ở hội nghị này đã hình thành bước đầu đội ngũ các cán bộ khoa học nghiên cứu về biển

của nước ta. Đông nhất là sinh học biển, rồi đến vật lý biển, hóa học biển và địa chất biển.

Tôi thấy cái tên “Khoa học về Biển” rất hay. Điều đó không phải chỉ vì việc làm cho trong sáng tiếng Việt. Cái từ “khoa học về biển” nói rõ được đối tượng và nội dung nghiên cứu của khoa học này ở nước ta trong giai đoạn hiện nay. Biển dính liền với đại dương và muốn hiểu biển thì phải hiểu đại dương. Nhưng một mục đích của hiểu đại dương là nhằm để hiểu được đầy đủ hơn về biển. Chúng ta phải hết sức chú ý đến việc tìm hiểu và khai thác vùng biển của nước ta. Dĩ nhiên nói như

Bãi biển Đà Nẵng



thế không phải là chúng ta không tiến hành nghiên cứu đại dương cùng với các nước khác. Và chẳng, cái từ “biển” cũng có thể có nghĩa rộng của nó, có biển gần, biển xa, lại có biển cả và như vậy có thể bao gồm cả đại dương. Vấn đề từ ngữ sau này ta sẽ bàn.

Chúng ta nghiên cứu khoa học về biển để làm gì? Chắc chắn rằng chúng ta không phải nghiên cứu để mà nghiên cứu, để thỏa mãn trí tò mò. Mặc dù các công trình của các đồng chí trình bày ở đây có nhiều điều bổ ích, nhưng tôi thấy hướng nghiên cứu còn phân tán, còn chưa rõ, có cái còn dừng lại ở sự mô tả, chưa đi sâu vào hướng ứng dụng vào sản xuất và đời sống. Là một bộ phận của lực lượng khoa học và kỹ thuật có nhiệm vụ tiến hành cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật ở nước ta, khoa học về biển cần phải phục vụ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, phục vụ đời sống, phục vụ sản xuất, phục vụ quốc phòng. Cho nên, trước khi đi vào khoa học mà tôi cũng không có ý kiến gì nhiều, tôi muốn nói với các đồng chí rằng muốn xác định phương hướng nhiệm vụ của khoa học về biển thì phải suy nghĩ về phương hướng xây dựng nền kinh tế miền biển của nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa chúng ta.

Khoa học về biển đã được xác

định và đã được thế giới công nhận như một khoa học rồi, nhưng liệu có một nền kinh tế miền biển hay không? Đại hội lần thứ IV của Đảng, khi đề ra phương hướng phát triển các ngành kinh tế quốc dân có ghi rõ trong Nghị quyết “Tiến hành phân vùng quy hoạch sản xuất để phát triển tất cả các vùng đồng bằng, trung du, miền núi và miền biển”. Rõ ràng ở nước ta có kinh tế đồng bằng, kinh tế miền núi, và kinh tế miền biển. Kinh tế miền núi không phải chỉ có làm rừng mà rộng hơn nhiều, cũng như kinh tế miền biển không phải chỉ có đánh cá, tuy rằng nghề cá là nghề cổ truyền mà trước mắt ta phải tập trung đẩy mạnh trong kế hoạch 5 năm hiện nay để tăng sản lượng thực phẩm cho nhân dân và để xuất khẩu.

Kinh tế miền biển là gì và phương hướng phát triển của nó ra sao? Vấn đề này đáng được suy nghĩ và thảo luận lắm và đối với những người làm khoa học về biển nó là một vấn đề có ý nghĩa hết sức quan trọng, bởi vì đó chính là mục tiêu mà công tác nghiên cứu khoa học về biển muốn hướng vào.

Tôi muốn phát biểu với các đồng chí một số ý kiến sơ bộ về cơ cấu kinh tế miền biển để thấy được một bước yêu cầu và phạm vi khoa học về biển ở nước ta. Căn cứ vào đường lối kinh tế của Đảng ta

thì đó là một cơ cấu phức hợp và đa dạng, gồm nhiều ngành nghề có những quan hệ nội tại gắn bó mật thiết với nhau, thúc đẩy nhau cùng phát triển, chứ không phải chỉ đơn thuần có nghề cá. Đồng thời cơ cấu đó lại gắn liền với toàn bộ nền kinh tế quốc dân của nước ta. Kinh tế miền biển trước hết có nghề cá, rồi còn có nông nghiệp, công nghiệp miền biển, có nghề hàng hải, có bến cảng, thương nghiệp nội địa và ngoại thương..., có kinh tế biển Trung ương và kinh tế biển địa phương. Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng đã đề cập đến hoạt động nhiều mặt của nền kinh tế miền biển: “Đẩy mạnh đánh bắt, nuôi thủy sản ở các vùng nước mặn, nước lợ và nước ngọt. Tăng nhanh lực lượng đánh cá biển và chế biến hải sản của Trung ương và của địa phương, tổ chức lại các lực lượng đánh cá, xây dựng ngành hải sản ở nước ta thành một ngành công nghiệp quan trọng”. “Xây dựng công nghiệp bảo quản và chế biến thủy sản; tiến hành điều tra và nghiên cứu khoa học để nắm chắc các nguồn thủy sản. Phát triển nghề nuôi và thực hiện từng bước cơ khí hóa việc làm muối “trong việc phát triển công nghiệp nặng và giao thông”. Đại hội cũng đề ra cho ngành cơ khí “đóng tàu vận tải biển, tàu đánh cá, tàu hút

Vịnh Cam Ranh

bùn”, “bảo đảm một tỷ lệ hợp lý giữa xây dựng đường sá, bến cảng, kho tàng với sản xuất và sửa chữa phương tiện bốc xếp và vận tải. Tăng cường cơ khí chế tạo và sửa chữa các phương tiện bốc xếp và vận tải”. “Phát triển đội tàu biển, xây dựng, mở rộng và quản lý tốt hệ thống cảng biển”...

Hiện nay, một vấn đề cấp bách trong nền kinh tế cả nước cũng như kinh tế miền biển là vấn đề tổ chức lại nền sản xuất xã hội. Một trong những vấn đề lớn nhất là phải bố trí lại lực lượng sản xuất, để làm sao phát huy cả tiềm năng của đất nước, trước hết là vấn đề phân bố lại lao động, bởi vì lực lượng sản xuất trước hết là lực lượng người lao động. Chúng ta có một lực lượng lao động rất đông đảo nhưng bố trí rất không hợp lý. Dân số có 50 triệu người thì phần lớn là tập trung ở đồng bằng Bắc bộ với mật độ 900 – 1000 người trên 1 km², ở Đồng bằng sông Cửu Long là 500 – 600 người. Trong lúc đó, ở Tây Nguyên, ở Tây Bắc, Việt Bắc ở rừng núi thì độ 10 – 20, 30 người trên 1 km². Vì vậy mà đất đai và lao động là 2 nguồn cơ bản của cải xã hội đã không kết hợp được tốt với nhau. Có một tài liệu của các nhà khoa học Liên Xô đã tổng kết là 80% của cải trong xã hội là từ đất mà ra. Vì vậy, một nhiệm vụ quan trọng trong những năm tới là phải phân bố lại lao động, đưa lao động từ những nơi thừa đến nơi thiếu.

Dưới ánh sáng của Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng và sau đó của Hội nghị lần thứ II của Trung ương Đảng, vấn đề đẩy mạnh phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp được coi là nhiệm vụ hàng đầu trong kế hoạch 5 năm hiện nay. Bởi vì chỉ giải quyết tốt vấn đề lương thực, thực phẩm mới tạo cơ sở phát triển công nghiệp được. Phương hướng đó đòi hỏi hàng loạt biện pháp tổ chức thực hiện trong đó có biện pháp đưa gần 2 triệu lao động từ các vùng đồng bằng đi xây dựng các vùng kinh tế mới.

Phương hướng chủ yếu đưa dân đi là lên những vùng rừng núi hoặc những vùng có đất chưa khai phá. Nhưng nước ta còn có một vùng đất đai nữa rất giàu có là vùng ven biển, thêm lục địa và bản thân Biển Đông của nước ta. Thế có đưa dân ra đó không? Nhất định sớm muộn rồi cũng phải đưa dân ra đây. Hôm vừa rồi trong hội nghị sinh học ở thành phố Hồ Chí Minh có đồng chí phát biểu là rồi đây số dân trên thế giới sẽ tăng lên, có nhà quy hoạch thiết kế dự kiến là đến một lúc nào đó phải làm nhà 1.000 hay là 2.000 tầng, mà 1.000 tầng dưới để ở còn 1.000 tầng trên thì dành cho các công trình phục vụ hay ngược lại. Tôi thấy có lẽ trước lúc làm nhà mấy nghìn tầng thì phải nghiên cứu làm nhà ra biển, phải nghiên cứu lặn biển như thế nào, rồi sinh sống trên biển như thế nào. Các đồng chí đã học địa lý của Hà Lan thì biết là trong một thời gian bao nhiêu năm, Hà Lan đã mở rộng ra biển một diện tích bằng 1/3 lãnh thổ. Bây giờ ở nước ta, sông Hồng mỗi năm đưa ra biển một tổng trọng phù sa bao nhiêu, thế còn ở đồng bằng sông Cửu Long, ở Cà Mau mỗi năm lặn ra mấy trăm mét. Cái đó cũng là một vấn đề cần nghiên cứu.

Phát triển ra biển còn có vấn đề khác nữa. Ở tỉnh Quảng Bình cũ của tôi có trên 120km bờ biển, nhưng chỉ cho 40km có dân ở, còn 80km là bãi cát trống, 80km đó có phải là không ở được không? Không phải. Nhưng vì ta chưa tạo ra những điều kiện để dân đến ở được. Những cồn cát trắng nếu có trồng cây, trồng phi lao, rồi trồng dừa, thì dân sẽ đến ở được. Gần đây, tôi thấy có những chỗ trước đây dân chưa ra ở, nhưng qua mấy năm kháng chiến đã có dân và đã trồng dừa rất tốt. Hiện nay, khách đi qua ai cũng đứng lại những chỗ đó để nghỉ mát. Còn có những chỗ như làng Ngư Thủy, có đội pháo binh nữa mà ai cũng biết, thì làng đó ở sát biển. Trước kia, khoảng năm 1929, tôi có đi qua

đây. Khánh Hòa hồi đó rất ít dừa, ít xoài dọc đường. Năm 1946, tôi lại đi qua đây thì cũng chưa thấy gì nhiều nhưng bây giờ thấy cây ăn quả rất nhiều từ Nha Trang đi Cam Ranh hay Diên Khánh. Gần đây, các đồng chí có được ăn hành Phan Rang không? Hành củ rất to đó là sản phẩm của đất cát đấy.

Như thế, vấn đề đưa dân ra ven biển là một vấn đề cực kỳ quan trọng. Hiện nay, trong những hợp tác xã ở ven biển ngư dân có đông không? Chưa phải đông lắm, tỉ lệ ngư dân còn ít lắm. Vừa rồi tôi đi thăm tỉnh Kiên Giang, ở phía Hà Tiên và Rạch Giá thì thấy cá nhiều nhưng người đánh cá còn ít lắm. Tôi chưa nói đến vấn đề sống trên biển. Trong tương lai, với trình độ phát triển sản xuất, của khoa học và kỹ thuật, ta phải nghĩ đến những diện tích nhân tạo trên mặt nước. Các đồng chí đã biết rằng, trong mấy chục năm gần đây, Nhật Bản xây dựng những đảo nhân tạo bằng sắt thép trên biển rất lớn, Nhật Bản thường nói là lãnh thổ của họ có thêm những ki lô mét vuông mới. Bây giờ trong điều kiện thực của ta, đã đặt ra vấn đề nghiên cứu xem có những chỗ nào thì có thể làm nhà ra bãi cát, còn với độ sâu bao nhiêu thì có thể làm nhà trên biển được. Cái đó ở các nước khác, người ta đã làm rồi. Vấn đề đưa dân ra biển quan trọng vô cùng. Muốn phát triển kinh tế miền biển thì càng phải đưa dân ra biển.

Trong tương lai, ở nước ta, miền biển sẽ có dân ở đông đúc vô cùng. Tôi nghĩ không biết như thế có phải là mơ ước viễn vông không. Không phải là viễn vông đâu. Một nước có miền biển như vậy, với thêm lục địa chỉ sâu độ 40 đến 50m như vậy thì khả năng đưa dân ra biển rất lớn. Trước hết, đưa dân ra bãi cát ven biển, đưa dân ra những nơi hiện có ít dân hoặc chưa có dân, rồi đưa dân ra các đảo như những đảo Hòn Tre, đảo Phú Quốc, những đảo ở Vịnh Hạ Long...

Như vậy, phân bố lao động

không có nghĩa chỉ là đưa dân ở vùng đồng bằng lên miền núi mà thôi. Bởi vì, vua Hùng đã từng đưa năm mươi con lên núi, năm mươi con xuống biển mà. Bây giờ, mình cũng một phần phải ra biển. Trước không ra, bây giờ phải ra. Trước ra ít, bây giờ phải ra nhiều hơn. Cần phải thực hiện lời nói của vua Hùng, lời nói đó đúng lắm.

Như vậy là phải bố trí lại lực lượng sản xuất, lực lượng lao động, đưa dân ra vùng ven biển, xây dựng kinh tế miền biển một cách toàn diện. Nền kinh tế miền biển có cơ cấu bên trong của nó, đồng thời là một bộ phận hữu cơ trong nền kinh tế quốc dân của cả nước và phục vụ cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của cả nước. Thí dụ như ngành giao thông vận tải trên biển chẳng hạn, nó phục vụ cho các ngành kinh tế quốc dân đồng thời nó là bộ phận của nền kinh tế biển.

Kinh tế miền biển vừa có kinh tế Trung ương vừa có kinh tế địa phương. Kinh tế Trung ương có những trung tâm công nghiệp và hải cảng lớn, những lực lượng hàng hải lớn, những công ty liên hiệp đánh cá lớn... Đồng thời còn có kinh tế địa phương, chẳng hạn như tỉnh Phú Khánh này. Hôm nay đồng chí Bảy Hữu, Bí thư tỉnh ủy có đề nghị làm sao cho khoa học kỹ thuật phải làm ra cá ra tôm. Ý kiến đó rất đúng. Nếu các tỉnh có biển như Phú Khánh đây có 200 hoặc 600km bờ biển (200km theo đường thẳng, 600km nếu tính đường mép nước quanh co theo các bầu, các vịnh nhỏ) mà không đặt kinh tế biển thành một bộ phận trong nền kinh tế của tỉnh thì như vậy là không biết làm kinh tế rồi. Tỉnh Phú Khánh, vùng rừng núi thì rộng lớn, đồng bằng thì hẹp, cho nên một phần dân phải đi khai hoang ở sau lưng Tuy Hòa, Đồng Nai, mặt khác, ra khai thác ở ven biển. Nói biển gần thôi, chứ chưa nói biển xa. Như là ở Phú Khánh, cơ cấu kinh tế có thể có công nông

ngiệp, lại có ngư nghiệp, hay nói rộng hơn có nghề biển. Chúng ta lại phải xây dựng 97 huyện ven biển (đó là chưa kể hai thành phố lớn) thành những huyện có nông lâm nghiệp. Gần đây các đồng chí nói các huyện ven biển ở Thanh Hóa đang tổ chức sản xuất. Nhiều huyện đã phân bố lại lực lượng sản xuất đưa dân ra ven biển,... bố trí các hợp tác xã trước đây vốn hỗn hợp nhiều ngành nghề trở thành những hợp tác xã chuyên ngành. Có những hợp tác xã đánh cá là chính, hợp tác xã làm muối, hợp tác xã thủ công, hợp tác xã vận tải, hợp tác xã đóng và sửa thuyền là chính. Sau khi tổ chức lại như vậy, đẩy mạnh tiến bộ kỹ thuật, cải tiến công cụ, đưa dân cơ giới vào... rồi xuất hiện một số trại thí nghiệm của nghề biển. Đó là một hướng đi đúng, phù hợp với quy luật từ sản xuất nhỏ tiến lên sản xuất lớn ở nước ta.

Như vậy là kinh tế vùng biển từ đất liền mà phát triển ra, dựa vào vùng ven biển ở đất liền mà phát triển, mà vùng đất liền ven biển của ta thì có nhiều đặc điểm, phong phú, đa dạng, có chỗ là bãi cát, có chỗ là đất phù sa, có chỗ là đá... dựa vào đặc điểm đó chúng ta sẽ phát triển nghề biển một cách đa dạng.

Như vậy bố trí lại sản xuất trong cả nước có một hướng là lên trung du, lên miền núi, một hướng là ra biển. Quá trình bố trí lại lực lượng sản xuất như vậy cũng là quá trình tổ chức lại quan hệ sản xuất. Cho nên cách mạng trong lực lượng sản xuất, trong khoa học và kỹ thuật, đều đi đôi với cách mạng trong quan hệ sản xuất. Thí dụ như nghề cá ở đây, muốn đẩy mạnh sản xuất, tất cả phải tổ chức ngư dân lại. Chứ còn cá thể như hiện nay thì khó có thể có sức mạnh để làm ăn lắm. Ở Hải Phòng hiện đã tập hợp tất cả lại thành tập đoàn sản xuất, thành hợp tác xã ven biển, tổ chức lại những lực lượng đi ra biển, như thế mới có sức mạnh được và như thế cũng là kết hợp kinh tế

với quốc phòng. Ở Hải Ninh, các đội thuyền đánh cá quốc dân đều có hải đoàn tự vệ do đó kết hợp được sản xuất trên biển và bảo vệ biển... Việc bảo vệ biển là nhiệm vụ của hải quân nhưng hải quân cũng phải tính đi con đường vừa đánh cá vừa bảo vệ đất nước mới có thể làm được.

Bây giờ ở trong phạm vi vùng lãnh hải 200 hải lý của ta thường có tàu nước ngoài vào đánh cá trái phép, mà ta chưa kiểm soát chặt được. Cho nên kết hợp kinh tế với quốc phòng, kết hợp kinh tế trung ương với kinh tế địa phương, xây dựng cơ cấu kinh tế miền biển hợp lý là những vấn đề của miền biển.

Vận dụng lý luận và quan điểm của Đảng ta về xây dựng cơ cấu công nông nghiệp, chúng ta cần xét xem cơ cấu miền biển như thế nào?

Kinh tế miền biển trước hết là có nghề đánh cá. Nghề đánh cá là một nghề lâu đời cần phải ra sức đẩy mạnh. Cần phải đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật vào nghề cá. Xét về trình độ kỹ thuật, chúng ta chưa vượt xa lắm nghề chài lưới của ông cha ta. Cần phải cơ giới hóa nghề cá, tăng khả năng đi nhanh, đi xa trên biển, hiện đại hóa việc phát hiện, theo dõi đàn cá, cải tiến kỹ thuật đánh bắt bằng những công cụ và phương pháp hiện đại, giải quyết tốt hơn việc bảo quản và chế biến cá và các hải sản khác. Tuy nhiên việc đánh cá có hiện đại đến đâu thì xét tính chất của nó, nghề cá vẫn là "săn bắt và hái lượm" những sản vật tự nhiên có trên biển mà thôi. So sánh với sự phát triển của nền kinh tế trên mặt đất, về một mặt nào đó, nghề cá đang còn dừng ở thời kỳ hái lượm và săn bắt mà thôi. Con hươu, con nai nó chạy thì anh săn bắt, bây giờ ở biển cũng làm như vậy. Thế cho nên từ đánh bắt phải tiến đến chăn nuôi và trồng trọt trên biển. Dĩ nhiên không phải như thế nghĩa là thôi không đánh bắt nữa.

Phải tìm cách nuôi cá, nuôi tất

cả các loại hải sản quý. Ở Cô Tô đã nuôi trai lấy ngọc. Như thế là rất tốt. Phú Khánh có thể nuôi cá măng được không. Đó là loại cá quý xuất khẩu phải nuôi thí nghiệm, rồi đi đến nuôi quy mô lớn. Ngành sinh học biển phải đi sâu thúc đẩy phương hướng kinh tế này. Trong một số báo cáo khoa học, các đồng chí nghiên cứu khá sâu về con cá này con cá kia, con cá này đầu nặng bao nhiêu, con mắt nó ra thế nào, rồi cá nục có mấy loại, lông ngực rộng bao nhiêu... nghiên cứu như vậy cũng tốt, nhưng phải từ đặc điểm của từng vùng biển có những điều kiện vật lý như nhiệt độ, độ mặn, ánh sáng chiếu xuống như thế nào, rồi áp suất sóng như thế nào, thủy động lực dòng chảy như thế nào để kết luận xem những vùng nào nuôi được loại cá nào thích hợp nhất. Tôi chưa thấy những kết luận như thế trong các báo cáo. Có một vài báo cáo có chớm nở các ý như vậy. Như thế cũng là bắt đầu tốt, ta hoan nghênh cái bắt đầu đó. Nuôi cá thì phải lo đến vấn đề cá ăn thứ gì đây. Không giải quyết vấn đề thức ăn thì không đẩy mạnh chăn nuôi được như ở Péru là nơi có nhiều cá nhưng gần đây có chiều hướng cạn dần đi. Trước đây đi qua Lăng Cô ai cũng dừng lại mua sò huyết, bây giờ ở Lăng Cô rất ít sò huyết rồi, chỉ còn cái vịnh với vỏ sò hàng cây số. Vậy sò huyết đi đâu. Phải nghiên cứu những hiện tượng đó, cần phát triển nuôi tôm một cách rộng rãi hơn nữa. Còn nếu như chỉ đánh bắt tôm như bây giờ thì sẽ đến lúc hết tôm. Việc nuôi đôi môi của ta, tôi cũng lấy làm lạ. Tôi ra ngoài Côn Đảo thấy ngành thủy sản ở đó chỉ nuôi độ mấy chục con. Ngược lại ở đảo Thổ Chu thì có nhà tư nhân nuôi đến hàng vạn con.

Đã có chăn nuôi trên biển rồi, còn có thể có trồng trọt thực vật biển. Phải nghiên cứu trồng các loại rong tảo trong nước biển, trồng các cây chịu nước mặn như đước, sú, vẹt... Hiện giờ, ở gần

Hải Phòng đang có một cơ sở thí nghiệm nuôi tảo điều đó rất quan trọng. Trong tương lai, các loại tảo sẽ là một nguồn cung cấp chất đạm rất quan trọng cho người. Bây giờ, loại rong ở vùng Phan Rang là loại rất tốt, nhưng cũng đã dần dần ít đi.

Như vậy là kinh tế miền biển trước hết có ngư nghiệp. Nhưng ngay nội dung của ngư nghiệp cũng đã dần phát triển rộng ra. Ngư nghiệp không phải chỉ là đánh cá mà còn bao gồm nuôi cá. Nghị quyết Hội nghị lần thứ II của Trung ương Đảng cũng nói là phải: "Phát triển mạnh về nuôi cá tôm trên mặt nước kể cả đồng bằng, trung du, miền núi và ven biển". Nghề vớt rong biển một cách tự nhiên cũng phải chuyển thành gậy và trồng rong biển. Thế là xuất hiện nghề chăn nuôi và trồng trọt biển. Lĩnh vực hoạt động đó là ngư nghiệp hay nông nghiệp? Và liệu có một nền nông nghiệp dưới nước không? Cái này dĩ nhiên còn phải thảo luận. Hiện nay, đã có một số nhà khoa học nước ngoài dùng khái niệm "nông nghiệp biển". Dù sao, từ khai thác hải sản bằng đánh bắt tự nhiên phát triển thành chăn nuôi trồng trọt thì quyền làm chủ của con người trên biển đã cao hơn. Ở đây có sự xâm nhập giữa ngư nghiệp và nông nghiệp, và việc khai thác, lấy từ biển cả thức ăn nuôi sống con người, đi đúng trình tự phát triển trên đất liền, từ săn bắt đến chăn nuôi, từ hái lượm đến trồng trọt. Phải chăng rồi đây, trên biển cả có những vùng mà việc đánh bắt vẫn chiếm ưu thế, như ở vùng biển xa và ngoài đại dương, trong khi đó ở vùng biển ven bờ việc chăn nuôi và trồng trọt sẽ là một xu hướng phát triển rất mạnh? Ta phải suy nghĩ về vấn đề đó.

Kinh tế miền biển ngoài khu vực "nông nghiệp ở dưới nước" ra nhất thiết phải có khu vực nông nghiệp trên đất liền, nông nghiệp ở mảnh đất ven biển và các đảo. Bởi vì bao giờ chúng ta cũng phải dựa vào một mảnh đất

để tiến công ra biển. Chắc chắn rằng không nên đặt vấn đề nông nghiệp các vùng đó phải đảm bảo cung cấp đủ lương thực cho miền biển. Cần phải tùy theo điều kiện tự nhiên mà đặt vấn đề trồng cây gì, nuôi con gì. Nơi nào có điều kiện thì trồng lúa. Có thể trồng cây nguyên liệu như cói, cây ăn quả, rau xanh... Do vị trí giao thông thuận lợi, nên nông nghiệp ven biển nên có tính hàng hóa cao, phục vụ thị trường trong nước và phục vụ xuất khẩu. Việc xuất khẩu, đặc biệt là xuất khẩu sản phẩm nông nghiệp, nếu trồng trọt và chăn nuôi ở ven biển thì sẽ giảm chi phí giao thông rất nhiều. Nếu Phan Rang mà trồng hành tây xuất khẩu thì rất tốt. Ở Hải Phòng có những cơ sở trồng cà chua và dưa chuột để xuất khẩu rất tốt. Cứ việc đưa thẳng lên tàu mà thôi. Chứ không phải trồng tận trung du rồi phải chuyên chở xa, thiếu phương tiện, mà chở đến nơi thì đã dập nát đến 1/3 rồi.

Đã có ngành nông nghiệp trồng trọt ven biển thì ít nhiều cũng có ngành lâm nghiệp ven biển. Điều này nhiều khi chúng ta ít nghĩ tới, bởi vì từ lâu trong ý niệm của chúng ta rừng bao giờ cũng đi với núi. Nhưng vì nhiều phương diện, sản xuất và đời sống vùng biển đặc biệt là nghề trồng trọt không thể phát triển tốt được nếu thiếu nghề trồng rừng ven biển. Trong nghị quyết hội nghị lần thứ II của Trung ương Đảng đã có nêu phương hướng kết hợp nông nghiệp với lâm nghiệp ngay ở vùng bờ biển, chỉ ra yêu cầu phải phủ kín nhanh các đồi núi trọc và các bãi cát ven biển. Nếu chúng ta không chặn được bước tiến của các mũi cát đó, không tìm cách chắn gió thì từ ven biển để tiến công ra ngoài biển cũng sẽ gặp khó khăn.

Biển là một địa bàn rất thuận lợi cho giao thông. Bởi vậy, ngày từ xưa xưa, nghề hàng hải bao giờ cũng là thành phần đặc trưng của kinh tế miền biển. Nhiều dân tộc đã qua nghề hàng hải và phát triển nhanh, tiến lên trình độ văn

minh sớm hơn các dân tộc khác. Có hàng hải biển gần và hàng hải biển xa, hàng hải vượt đại dương. Đối với nước ta, trong giai đoạn hiện nay, hàng hải biển gần, hàng hải ven bờ quan trọng lắm. Các đồng chí đều biết một trong những nhân tố giúp Nhật Bản phát triển kinh tế và cạnh tranh được với các nước là do Nhật Bản là một hòn đảo đã lợi dụng được giao thông ven biển là lối giao thông rất tiện và rẻ tiền. Nước ta có bờ biển từ Nam chí Bắc, phải hết sức lợi dụng ưu thế này. Nước Việt Nam là một nước có ngành hàng hải phát triển nhanh, trước

thủy phát triển mạnh. Đồng thời ta cũng tiến lên vươn ra biển xa, vươn ra đại dương, góp phần của mình cùng với các nước nghiên cứu và khai thác đại dương.

Nghề hàng hải đòi hỏi một mạng lưới các cơ sở hạ tầng phát triển: các bến cảng, kho tàng, nơi trú đậu và sửa chữa, cung cấp nhiên liệu,... Như vậy, cần phải có một ngành xây dựng cơ bản của kinh tế miền biển. Người Việt Nam cũng phải tiến lên làm chủ khoa học và kỹ thuật xây dựng các công trình ven biển, xây dựng bến cảng, xây dựng các đê lấn biển, xây dựng các công

kinh tế miền biển không thể phát triển mạnh mẽ, nghề đánh cá không thể hiện đại hóa nhanh chóng nếu không được nền đại công nghiệp cơ khí trang bị cho những kỹ thuật mới. Nói một cách nghiêm túc hơn, chúng ta rồi đây có thể khai thác hiệu quả hơn, tức là “thâm canh” vùng biển của chúng ta hoặc có thể vươn ra đến đại dương, trở thành một quốc gia có tư thế nhất định trên đại dương phụ thuộc một phần lớn vào khả năng của công nghiệp nặng của nước ta. Dĩ nhiên, sẽ không có một nền công nghiệp biệt lập. Nhưng trong nền công nghiệp, cả



hết là hàng hải ven biển. Trong lịch sử, ông cha ta trước đây đã từng giỏi nghề đi biển, thời Nguyễn Huệ, các hạm đội và tàu thuyền vào Nam, ra Bắc, đi lại hết sức nhanh chóng. Vào lúc đó ở Đông Nam Á thậm chí ở châu Á, nghề hàng hải và thủy quân ta cũng đứng vào bậc nhất. Ngày nay chúng ta phải nhanh chóng phát triển nghề này. Trước hết là làm tốt ở vùng biển.... Các vùng ven biển từ tỉnh này sang tỉnh kia, từ huyện này sang huyện kia, giao thông bằng thuyền bè, tàu

trình sử dụng năng lượng thủy triều... Những trung tâm kinh tế, công nghiệp và thương mại phải mọc lên. Cảng Hải Phòng bây giờ mỗi năm năng lực thông qua khoảng vài triệu tấn, nhưng rồi đây phải mở rộng ra hàng chục triệu tấn. Rồi cần có nhiều cảng nữa, ngoài Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh... Tất nhiên, không thể ngay một lúc làm được tất cả, nhưng nếu không biết suy nghĩ như vậy thì không thể đẩy mạnh tốc độ công nghiệp hóa đất nước được.

công nghiệp nặng và công nghiệp nhẹ, công nghiệp thực phẩm nhất định sẽ hình thành một bộ phận có quan hệ trực tiếp với nền kinh tế biển. Ngay địa điểm đặt các xí nghiệp công nghiệp ấy cũng nên đặt ở ven biển. Chẳng hạn như công nghiệp chế biến và bảo quản hải sản thì rõ ràng là ngành gắn bó chặt chẽ với nghề đánh cá, là một khâu bên trong của quá trình làm ra và chế biến cá biển rồi. Đặc biệt quan trọng là công nghiệp cơ khí, công nghiệp đóng tàu, sản xuất và sửa chữa các phương tiện

đi biển và làm nghề biển. Trước mắt, có việc sản xuất các phụ tùng cho máy vạn chiếc tàu. Nếu ta làm được cái đó thì lập tức sẽ tăng được năng suất của kinh tế miền biển lên ngay.

Ngoài ra còn có công nghiệp khai thác khoáng sản dầu khí, năng lượng ở biển. Cái này có việc còn là xa xôi, bởi vì nói chung khai thác khoáng sản, trong nước biển, ở thêm lục địa khó hơn, đắt hơn trên đất liền, đòi hỏi một trình độ kỹ thuật cao hơn, đòi hỏi một vốn lớn hơn. Chắc là hiện nay cái gì có thể khai thác ở trên đất liền được thì ta hãy làm trên đất liền đã. Tuy nhiên, việc khai thác dầu khí ngoài biển Việt Nam đã là chuyện trước mắt rồi. Vì vậy trong hội nghị này có báo cáo về dầu khí biển, như vậy là tốt. Việc sử dụng năng lượng thủy triều ở bờ biển nước ta cũng phải được đặt ra nghiên cứu rồi. Độ chênh lệch thủy triều ở biển nước ta chứa đựng một tiềm lực quan trọng vì năng lượng là rất quý. Có những kiểu máy điện thủy triều với các quy mô được không? Các đồng chí vật lý biển của ta cần phải trả lời vấn đề này.

Nói đến kinh tế miền biển không thể không nói đến đời sống nhân dân miền biển. Phải nghiên cứu và giải quyết cái ăn, ở, mặc, đi lại và sức khỏe của nhân dân ta. Bữa ăn của người dân ở biển phải có cái khác trong đất liền. Phải làm sao nghiên cứu các vấn đề về đời sống ở biển như thế nào cho tốt, ở đây có cát, có gió biển. Ở ven biển thì đông bào khỏe lắm, nhưng có nhiều nơi bị đau mắt hột. Mà ở biển thì gió biển tốt như vậy, ăn có nhiều chất đạm hơn cho nên tỷ lệ sinh đẻ cao lắm. Tôi có đi một số nơi như ở Cô Tô, ở đó nhiều gia đình có độ 10 con. Thế thì vấn đề vệ sinh phòng bệnh kế hoạch hóa sinh đẻ ở biển nên đặt ra như thế nào; việc mặc ở biển qua các mùa, khi đi biển và lúc ở trên bờ như thế nào; rồi đi lại giao thông trên biển như thế nào. Tất cả những vấn đề đó đều

không đơn giản tí nào, đều phải nghiên cứu.

Rồi đương nhiên, nghĩ đến biển chúng ta phải lo về quốc phòng. Hôm nay, ở Hội nghị này, tôi không có ý nói nhiều với các đồng chí về vấn đề quốc phòng trên biển, tôi chỉ muốn nói rằng, tất cả những điều nói trên là xây dựng kinh tế miền biển cũng chỉ là cơ sở xây dựng quốc phòng miền biển. Nếu chúng ta có một nền kinh tế miền biển, một nền khoa học kỹ thuật để khai thác vùng biển thì chúng ta cũng có vấn đề quốc phòng ở vùng biển. Dĩ nhiên phải có một lực lượng vũ trang mạnh mẽ trên biển để bảo vệ đất nước ta. Một nước như nước ta, để bảo vệ vững chắc đất nước mình tuy chủ yếu phải có lực lượng mạnh, nhưng nhất thiết cũng phải có hải quân mạnh. Kẻ địch từ xưa vẫn thường xâm lược nước ta từ hướng biển; ngày nay, chúng vẫn đang từ hướng biển mà phá hoại ta. Sau này, nếu chiến tranh xâm lược xảy ra, hướng tiến công từ biển của chúng vẫn là hướng mà chúng ta hết sức đề phòng. Với việc Chính phủ ta gần đây tuyên bố vùng lãnh hải đặc quyền kinh tế 200 hải lí, nhiệm vụ hải quân bảo vệ chủ quyền của nước ta trên biển một cách có hiệu lực đã trở nên cấp bách rồi. Nhưng do sự hạn chế về mặt trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật, hải quân chúng ta hiện nay chủ yếu còn là một hải quân ven biển. Cho nên, trong khi xây dựng từng bước một hải quân mạnh, ta phải có cách tăng cường làm chủ trên biển, bảo vệ vững chắc vùng biển của nước ta. Một trong những cách thực tế và có hiệu quả nhất là kết hợp kinh tế với quốc phòng trên mặt biển. Thí dụ các hạm đội quân sự đồng thời làm đội đánh cá; ngược lại các đội tàu vận tải và đánh cá của ta ít nhiều đều làm nhiệm vụ quân sự; các lực lượng vũ trang trên biển đó không phải là không đáng gờm đối với những kẻ xâm phạm trái phép vùng lãnh hải của nước ta.

Trong Hội nghị này, tôi nhắc

lại là khoa học phải phục vụ đời sống, phục vụ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Do lịch sử nước ta luôn luôn phải chịu sự tác động của quy luật xây dựng đất nước đi đôi với bảo vệ đất nước là do vị trí bán đảo, do vai trò của biển trong đời sống mọi mặt của chúng ta mà chúng ta phải ra sức xây dựng một nền kinh tế biển mạnh cũng như một lực lượng quân sự trên biển mạnh. Cũng do đó, nền khoa học và kỹ thuật về biển ở nước ta có một ý nghĩa hết sức quan trọng. Tất cả các yếu tố đó, cả lực lượng kinh tế, lực lượng quân sự, lực lượng khoa học và kỹ thuật... sẽ tạo thành sức mạnh trên biển của nhân dân ta, của đất nước ta. Cho nên nhiệm vụ của các đồng chí rất nặng nề; bởi vào lúc bước vào kỷ nguyên mới, sau bao thế kỷ đấu tranh, quyền làm chủ Biển Đông của nhân dân ta mới được đặt ra toàn diện và sâu sắc như hiện nay.

Nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa rồi đây phải là một nước giàu và mạnh cả trên biển và trên đất liền nữa. Chúng ta xây dựng sức mạnh trên biển của nước ta vì sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, vì cuộc sống hạnh phúc của nhân dân ta. Trong lĩnh vực này, con đường tiến lên cũng phải phù hợp với những điều kiện, đặc điểm của một nước từ sản xuất nhỏ tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Chính trên cơ sở này mới có thể xây dựng nền kinh tế miền biển một cách nhanh chóng, mạnh mẽ và vững chắc. Đó cũng là con đường phát triển của nền khoa học và kỹ thuật về biển của nước ta. ■

(Xem tiếp kỳ sau)